

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ SỐ

● **TRẦN TRỌNG ĐẠI**

Khoa Pháp luật Kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội  
Email: trantrongdai.hlu@gmail.com

## **TÓM TẮT:**

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và hội nhập quốc tế sâu rộng, kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế. Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị đã thể hiện bước chuyển trong tư duy phát triển khi xác định kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay; đồng thời chỉ ra một số hạn chế như sự chồng chéo pháp luật, chi phí tuân thủ cao, khó khăn trong tiếp cận nguồn lực và yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng và thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị, kinh tế tư nhân, pháp luật về kinh tế tư nhân, phát triển kinh tế tư nhân.

## **1. Đặt vấn đề**

Kinh tế tư nhân không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, khu vực kinh tế tư nhân còn là động lực quan trọng của đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Nhận thức rõ vai trò đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW nhằm tạo cơ sở chính trị cho việc hoàn thiện thể chế và pháp luật về phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn mới.

Vì vậy, nghiên cứu pháp luật về kinh tế tư nhân gắn với tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam.

## **2. Nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân**

Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đánh dấu bước ngoặt mang tính đột phá lớn

trong tư duy quản lý, tập trung vào các giải pháp thực chất và định lượng rõ ràng nhằm tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng cho khối tư nhân.

Trước hết, về cải cách hành chính, Nghị quyết đặt ra mục tiêu cốt lõi ngay trong năm 2025 phải hoàn thành rà soát để loại bỏ các quy định chồng chéo, cản trở, đồng thời thực hiện chỉ tiêu “ba giảm”: cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật và ít nhất 30% điều kiện kinh doanh. Để đạt được điều này, phương thức quản lý sẽ chuyển dịch mạnh mẽ từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, áp dụng thủ tục tổ tụng điện tử, cơ chế phá sản rút gọn và triển khai dịch vụ công trực tuyến không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Đặc biệt, Nghị quyết thể hiện tầm nhìn đón đầu xu thế công nghệ khi yêu cầu khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ tài chính (Fintech), tài sản ảo, tiền ảo và tài sản mã hóa. Nhà nước sẽ áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) dựa trên nguyên tắc hậu kiểm phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời xây dựng chính sách chia sẻ dữ liệu thông thoáng để doanh nghiệp dễ dàng khai thác, kết nối an toàn.

Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), Nghị quyết đưa ra gói ưu đãi thuế tài chính rất mạnh mẽ: bãi bỏ hoàn toàn lệ phí môn bài và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu thành lập. Song song đó, chi phí đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động sẽ được tính vào chi phí hợp lý để trừ trực tiếp khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với khối kinh tế cá thể, một cải cách mang tính lịch sử là lộ trình xóa bỏ hoàn toàn hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất vào năm 2026. Nhằm hỗ trợ làn sóng chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp, Nhà nước sẽ cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý và đào tạo quản trị doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia để hỗ trợ nhóm yếu thế, thanh niên và phụ nữ làm chủ tiếp cận nguồn vốn.

Về vấn đề mặt bằng sản xuất, Nghị quyết quy định các địa phương phải dùng ngân sách hỗ trợ

hạ tầng và yêu cầu các chủ đầu tư khu/cụm công nghiệp phải dành quỹ đất tối thiểu 5% (hoặc bình quân 20 ha/khu) để cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp phụ trợ và khởi nghiệp sáng tạo thuê lại, với mức giảm tiền thuê đất ít nhất 30% trong 5 năm đầu. Khoản giảm này sẽ được hoàn trả cho chủ đầu tư hạ tầng thông qua khấu trừ nghĩa vụ thuế đất với Nhà nước.

Cuối cùng, dòng vốn tín dụng sẽ được tái cấu trúc linh hoạt khi Nhà nước có cơ chế khuyến khích ngân hàng thương mại giảm lãi suất, ưu tiên nguồn vốn cho các dự án xanh, kinh tế tuần hoàn theo tiêu chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) và các chương trình chuyển đổi số. Cơ chế cho vay cũng được cởi trói khi thúc đẩy các tổ chức tài chính thẩm định dựa trên dòng tiền, dữ liệu và chuỗi giá trị, chấp nhận các tài sản bảo đảm đa dạng như động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai hoặc áp dụng hình thức cho vay tín chấp với điều kiện bảo lãnh được nói lỏng hơn nhằm khơi thông nguồn lực tối đa cho kinh tế tư nhân phát triển.

### **3. Thực trạng pháp luật về kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay**

Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị được nhìn nhận là bước ngoặt về tư duy phát triển khi xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tiếp đó, Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục tạo khuôn khổ chính sách để khu vực này mở rộng quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng.

Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam đã phát triển mạnh về số lượng nhưng chưa lớn về tầm vóc, cốt lõi nằm ở cấu trúc “đông về lực lượng nhưng nhỏ về quy mô”. Dẫn số liệu từ báo cáo kinh tế tư nhân năm 2025 cho thấy, trong hơn 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, 96,6% là doanh nghiệp tư nhân, hơn 80% có quy mô dưới 50 lao động và hơn 70% có vốn dưới 10 tỷ đồng. Quy mô nhỏ khiến nhiều doanh nghiệp khó tích lũy vốn, khó mở rộng sản xuất, chậm cải thiện năng suất và khó tham gia sâu vào chuỗi giá trị. Một số khó khăn, vướng mắc mà kinh tế tư nhân gặp phải trong quá trình phát triển có thể kể tới như:

*Thứ nhất*, sự thiếu vắng các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn đang là một trong những điểm nghẽn đáng kể đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. Năm 2024, cả nước có khoảng 900 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó, doanh nghiệp quy mô lớn (phần lớn là doanh nghiệp nhà nước) chỉ chiếm khoảng 2%, doanh nghiệp quy mô vừa chiếm khoảng 2%, còn lại 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Đáng chú ý, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chủ yếu dựa vào hộ kinh doanh, chiếm tới 94% tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh.

Xét về quy mô vốn, mức vốn đầu tư chính thức bình quân của một doanh nghiệp tư nhân chỉ đạt khoảng 43,5 triệu đồng, thấp hơn rất nhiều so với mức 5,56 tỷ đồng của doanh nghiệp nhà nước và 421,9 triệu đồng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Về lao động, trung bình mỗi doanh nghiệp tư nhân sử dụng 12,8 lao động, trong khi con số này ở doanh nghiệp nhà nước là 512,2 lao động và doanh nghiệp FDI là 224 lao động. Trên thị trường chứng khoán, quy mô vốn hóa bình quân của một doanh nghiệp tư nhân Việt Nam chỉ đạt khoảng 186 triệu USD, thấp hơn đáng kể so với các quốc gia trong khu vực như Philippines (1,2 tỷ USD), Singapore (1,07 tỷ USD), Thái Lan (835 triệu USD), Indonesia (809 triệu USD) và Malaysia (553 triệu USD).

*Thứ hai*, khu vực kinh tế tư nhân vẫn tồn tại tỷ lệ lớn các hoạt động kinh tế mang tính phi chính thức. Hiện nay, hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng rất lớn trong khu vực kinh tế tư nhân nhưng chưa được công nhận là một loại hình doanh nghiệp theo pháp luật, từ đó hình thành nên khu vực kinh tế phi chính thức với quy mô đáng kể. Sự phát triển của khu vực này tạo ra nhiều hệ quả tiêu cực đối với nền kinh tế.

Trước hết, nguồn thu ngân sách nhà nước bị ảnh hưởng đáng kể. Năm 2021, khu vực hộ kinh doanh phi chính thức chiếm tới 88,7% số cơ sở sản xuất nhưng chỉ đóng góp khoảng 1,56% ngân sách nhà nước, tương đương 638 triệu USD. Trong khi đó, khu vực doanh nghiệp chính thức chỉ chiếm 11,3% về số lượng nhưng đóng góp tới 15,4% ngân sách, tương đương 6,3 tỷ USD. Bên cạnh đó, vấn đề an sinh xã hội cũng chịu tác động tiêu cực. Với hơn

5,1 triệu cơ sở sản xuất kinh doanh, khu vực hộ kinh doanh tạo việc làm cho trên 38,28 triệu lao động. Tuy nhiên, do các quy định pháp lý đối với hộ kinh doanh còn lỏng lẻo, phần lớn người lao động không được tham gia bảo hiểm xã hội, khiến họ phải tự chi trả các chi phí khi gặp rủi ro về sức khỏe hoặc mất khả năng lao động.

Ngoài ra, cơ chế quản lý hiện hành vô hình trung tạo ra tâm lý ngại chuyển đổi thành doanh nghiệp ở nhiều chủ thể kinh doanh. Nhiều hộ kinh doanh không muốn mở rộng quy mô nhằm tiếp tục hưởng lợi từ cơ chế quản lý đơn giản hơn. Điều này dẫn đến tình trạng doanh nghiệp tư nhân khó phát triển lớn mạnh, làm giảm sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ ba*, chất lượng tăng trưởng và khả năng sinh lời của khu vực kinh tế tư nhân còn ở mức thấp. Quy mô nhỏ cùng với tính phi chính thức cao đã hạn chế khả năng khai thác lợi thế kinh tế theo quy mô, chuyên môn hóa sản xuất cũng như đầu tư cho nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ và sáng tạo. Hệ quả là tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân vẫn phụ thuộc nhiều vào khai thác tài nguyên và tín dụng hơn là vào năng suất, công nghệ hay đổi mới sáng tạo. Trong lĩnh vực công nghiệp, phần lớn doanh nghiệp ngoài nhà nước vẫn hoạt động theo hình thức gia công, lắp ráp và phụ thuộc vào máy móc, thiết bị, nguyên liệu nhập khẩu. Năng lực công nghệ còn hạn chế khiến các doanh nghiệp tư nhân khó tham gia sâu vào chuỗi cung ứng hoặc trở thành nhà cung cấp cho các tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Điều này được phản ánh thông qua hệ số ICOR của khu vực kinh tế tư nhân có xu hướng tăng mạnh qua các năm, từ 4,30 năm 2010 lên 5,44 năm 2015, tiếp tục tăng lên 16,21 năm 2020 và đạt 23,40 năm 2021, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ngày càng giảm.

*Thứ tư*, sự liên kết giữa khu vực kinh tế tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI còn rất hạn chế. Trong ngành công nghiệp ô tô, Việt Nam hiện có khoảng 20 doanh nghiệp lắp ráp quy mô lớn nhưng chỉ có 81 nhà cung cấp cấp 1 và 145 nhà cung cấp cấp 2, cấp 3. Trong khi đó, Thái Lan dù chỉ có 16 doanh nghiệp lắp ráp lớn nhưng lại sở hữu tới 690 nhà cung cấp cấp 1 và khoảng 1.700

nhà cung cấp cấp 2, cấp 3. Việc các doanh nghiệp tư nhân hoạt động rời rạc, thiếu liên kết đã làm giảm khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, vốn đã bị hạn chế bởi quy mô nhỏ. Hệ quả là tỷ trọng xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước trong tổng kim ngạch xuất khẩu liên tục giảm, từ 45,8% năm 2010 xuống còn 28,5% năm 2016 và chỉ còn 18,3% vào năm 2021. Những hạn chế này đang cản trở khu vực kinh tế tư nhân phát huy vai trò động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

*Thứ năm*, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân còn thấp so với các khu vực kinh tế khác. Năm 2021, năng suất lao động của khu vực kinh tế tư nhân chỉ bằng 24,4% năng suất lao động của khu vực nhà nước, bằng 28,2% so với khu vực FDI và chỉ đạt 60,4% mức bình quân của toàn nền kinh tế. Trong giai đoạn 2016–2020, mặc dù doanh nghiệp tư nhân chiếm tới 96,7% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, song năng suất lao động vẫn ở mức thấp nhất, chỉ bằng 29,1% năng suất lao động của khu vực FDI và bằng 24,6% so với khu vực kinh tế nhà nước.

Khả năng sinh lời của doanh nghiệp tư nhân cũng thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung. Trong giai đoạn 2016–2020, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản của doanh nghiệp tư nhân chỉ đạt 1,4%, thấp hơn mức trung bình 2,4% của toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần chỉ đạt 2,1% so với mức 3,8% của toàn nền kinh tế doanh nghiệp; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 4,1%, trong khi mức bình quân là 7,6%. Mức sinh lời thấp đã làm giảm khả năng tích lũy vốn nội tại, hạn chế năng lực tái đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân.

#### **4. Những bất cập của pháp luật hiện hành đối với kinh tế tư nhân**

Pháp luật đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc định hình và phát triển nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp lý không chỉ giúp tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư

nhân. Pháp luật giúp doanh nghiệp tư nhân không chỉ duy trì hoạt động trong khuôn khổ luật lệ mà còn tạo ra một sân chơi công bằng, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác.

##### **4.1. Bất cập đối với chính sách về đất đai**

Mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhưng trên thực tế vẫn tồn tại tình trạng chông chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật. Sự thiếu thống nhất này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời làm gia tăng chi phí tuân thủ pháp luật.

Đối với chính sách về đất đai rất nhiều người nói rằng doanh nghiệp tư nhân có những điểm chưa bình đẳng so với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tôi cho rằng điều này hoàn toàn đúng. Chúng ta có thể nhìn thấy ở khía cạnh tiếp cận nguồn lực kinh doanh. Chẳng hạn như về đất đai, doanh nghiệp nhà nước có lợi thế về đất đai, thậm chí được miễn tiền thuê đất hoặc thuê đất với giá rẻ. Doanh nghiệp FDI thường có sẵn khu công nghiệp mà Nhà nước đầu tư hạ tầng tương đối cơ bản. Họ cũng có nhiều vốn để thuê đất tại các khu công nghiệp và có thể được miễn tiền thuê đất, miễn thuế rất lớn. Còn doanh nghiệp tư nhân không có lợi thế, không ưu đãi, không có hỗ trợ trong tiếp cận đất đai. Cho nên dẫn đến tình trạng doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào các khu công nghiệp hiện nay rất khiêm tốn. Đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ hội tiếp cận đất đai rất khó khăn. Các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất còn phức tạp, kéo dài. Giá đất, cơ chế bồi thường, giải phóng mặt bằng ở nhiều địa phương còn thiếu minh bạch, làm tăng chi phí đầu tư của doanh nghiệp. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp không thể mở rộng quy mô sản xuất hoặc triển khai dự án đúng tiến độ.

##### **4.2. Khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn và tín dụng**

Mặc dù pháp luật đã có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng, nhưng trên thực tế khả năng tiếp cận vốn của khu vực kinh

tế tư nhân vẫn còn hạn chế. Về vốn, đối với doanh nghiệp nhà nước, thì mức độ tín nhiệm đối với ngân hàng tốt hơn, họ có thể tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn. Doanh nghiệp FDI thì có thể tiếp cận nhiều nguồn vốn, đặc biệt là những nguồn vốn có chi phí rẻ. Trong khi đó, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam thì hầu hết tiếp cận nguồn vốn qua kênh duy nhất là ngân hàng với lãi suất tương đối cao so với các nước khác. Vì vậy, cạnh tranh về chi phí vốn của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam so với doanh nghiệp của các nước rất khó khăn. Nhiều doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện khắt khe về tài sản bảo đảm, năng lực tài chính hoặc lịch sử tín dụng. Trong khi đó, các cơ chế bảo lãnh tín dụng, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng.

Ngành ngân hàng có nhiều tổ chức tín dụng hỗ trợ vốn cho kinh tế tư nhân với dư nợ gần 7 triệu tỷ đồng, chiếm gần 44%, nhưng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ đạt hơn 2,7 triệu tỷ đồng. Hiện nay nguồn vốn vay chủ yếu vẫn dành cho các doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp rất khó có thể tiếp cận nguồn vốn từ quỹ này nếu không có tài sản bảo đảm, và thủ tục cũng phức tạp tương tự như vay từ ngân hàng thương mại.

Tương tự như việc vay vốn, các doanh nghiệp trong nước không được tạo điều kiện như các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc tiếp cận với nguồn đất đai, tài nguyên. Điều này làm giảm khả năng mở rộng đầu tư, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân.

#### **4.3. Những bất cập trong thủ tục hành chính**

Mặc dù cải cách hành chính đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng nhiều thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường vẫn còn rườm rà và mất nhiều thời gian. Doanh nghiệp nhà nước có khó khăn về thủ tục hành chính, nhưng mức độ tương tác, mức độ ảnh hưởng của họ đối với chính quyền tốt, nên đây không phải là cản trở lớn. Doanh nghiệp FDI hoạt động tương đối chuyên nghiệp, tổ chức hội đoàn tốt, vị thế, tiếng nói được chính nền trọng hơn. Trong khi đó có rất nhiều doanh nghiệp tư nhân chưa có sự quan tâm, hỗ trợ về mặt thủ tục hành chính.

Trong khuôn khổ pháp luật, chúng ta có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài lớn, nhưng với doanh nghiệp tư nhân rất ít. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành năm 2017, trong đó có quy định giảm thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, một chính sách được đánh giá tốt, nhưng sau nhiều năm, chúng ta vẫn chưa triển khai quy định này. Cụ thể hơn, Luật Bảo vệ môi trường 2020 yêu cầu đánh giá tác động môi trường trước khi cấp phép đầu tư, trong khi Luật Xây dựng 2014 lại quy định đánh giá tác động môi trường thực hiện sau khi dự án được phê duyệt. Điều này khiến doanh nghiệp mất nhiều thời gian làm thủ tục hai lần. Ở Việt Nam, một số dự án năng lượng tái tạo bị đình trệ vì không rõ phải thực hiện đánh giá tác động môi trường vào thời điểm nào, gây thiệt hại cho nhà đầu tư... Các thủ tục hành chính chưa thực sự tối ưu khi chưa thể liên kết lại với nhau. Doanh nghiệp khởi nghiệp sau khi làm thủ tục đăng ký thành lập, nếu muốn đăng ký nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên thì phải cung cấp rất nhiều giấy tờ. Những bất cập liên quan đến thanh tra, kiểm tra là một ví dụ điển hình khác mà các doanh nghiệp gặp phải. Có doanh nghiệp trong một năm phải tiếp rất nhiều các cuộc thanh-kiểm tra, như môi trường, phòng cháy - chữa cháy, thuế, hải quan... Mỗi đợt kiểm tra thì nhà máy phải tạm dừng trong một thời gian nhất định, làm chậm đơn hàng, giảm hiệu suất hoạt động.

Năm 2017, Chỉ thị số 20/CT-TTg được ký với quy định “không được thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp quá một lần/năm, chỉ được thanh tra đột xuất khi phát hiện vi phạm”. Tuy nhiên, Chỉ thị đã không được thực hiện triệt để cho đến nay.

#### **5. Định hướng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về kinh tế tư nhân**

Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách thể chế là yếu tố quan trọng giúp khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số hiện nay. Pháp luật cần được điều chỉnh, bổ sung và làm rõ các quy định để tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng và khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân phát triển bền vững.

*Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật: Đề tháo*

gỡ những rào cản đó, Nghị quyết số 68 đã đưa ra chủ trương quan trọng là từ năm 2026 sẽ bỏ hình thức thuế khoán, tiến tới minh bạch hóa hoạt động hộ kinh doanh, đồng thời tạo động lực khuyến khích họ chuyển đổi. Khi trở thành doanh nghiệp, họ sẽ được hưởng nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ như ưu đãi tiếp cận tín dụng, đất đai, đào tạo, công nghệ và các ưu đãi thuế theo tinh thần của Nghị quyết số 198. Bộ Tài chính đã hoàn thành dự thảo Nghị định hướng dẫn Nghị quyết số 198, trình Chính phủ xem xét, thông qua và kỳ vọng sau khi Nghị định này được ban hành, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới và hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp sẽ tác động tích cực tới quá trình chuyển đổi của hộ kinh doanh.

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh bằng việc kiên quyết cắt giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính, khoảng 30% chi phí kinh doanh (bao gồm cả chi phí không chính thức) và 30% thời gian xử lý hành chính. Bổ sung nguồn lực tài chính để thực hiện R&D cho khu vực doanh nghiệp tư nhân bởi doanh nghiệp tư nhân với quy mô nhỏ, không có nhiều kinh phí cho R & D để cải tiến, đổi mới công nghệ. Nhật Bản đầu tư 3% GDP, Trung Quốc hơn 2% GDP cho R & D. Huy động thu hút tài chính tư nhân vào sản xuất kinh doanh. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, nhất quán, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm thực hiện nghiêm minh 3 quyền cơ bản: quyền tự do kinh doanh (trong những ngành nghề pháp luật không cấm), quyền sở hữu tài sản và quyền cạnh tranh bình đẳng.

Nhà nước xây dựng và thực thi cơ chế pháp lý chặt chẽ về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ; giảm thiểu rủi ro pháp lý, hạn chế tối đa tình trạng thay đổi chính sách đột ngột gây tổn thất cho doanh nghiệp. Tạo lập cơ chế hỗ trợ và bảo vệ nhà đầu tư tư nhân, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, giúp nhà đầu tư an tâm và phát triển thuận lợi. Xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó cho doanh nghiệp, tăng cường đầu tư, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển.

Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm: Tăng cường kiểm tra, giám sát sau cấp phép thay vì kiểm soát

chặt chẽ trước khi cấp phép, nhằm giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Số hóa và minh bạch hóa thủ tục hành chính: Áp dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý đất đai, thuế, hải quan và sở hữu trí tuệ, giúp giảm chi phí tuân thủ và tăng tính minh bạch. Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu: Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ AI để cảnh báo sớm các nguy cơ vi phạm pháp luật, đồng thời miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định. Phân định rõ trách nhiệm pháp lý: Sửa đổi các quy định về pháp luật hình sự và dân sự để phân biệt rõ trách nhiệm của pháp nhân và cá nhân, đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội và tránh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hợp pháp.

Nâng cao trình độ chuyên môn, giám sát, quản lý của Nhà nước: cần đẩy mạnh công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan Nhà nước có liên quan đến quản lý doanh nghiệp và hành chính công. Việc này sẽ giúp giảm thiểu tình trạng thiếu hiểu biết về pháp luật, cũng như ngăn ngừa hành vi tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực thi các quy định.

Bên cạnh đó, các cơ quan Nhà nước cần công khai, minh bạch các quy định pháp lý, các thủ tục hành chính và các quyết định hành chính trên các phương tiện truyền thông đại chúng và các nền tảng trực tuyến, giúp doanh nghiệp dễ dàng tra cứu và nắm bắt thông tin. Một hệ thống thông tin điện tử minh bạch sẽ giúp doanh nghiệp không bị rơi vào tình trạng “mù mờ” trong quá trình thực thi pháp luật.

Hơn nữa, cần có những cơ chế giám sát độc lập đối với quá trình thực thi pháp luật, từ đó đảm bảo các cơ quan nhà nước thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và không làm phát sinh tình trạng lạm dụng quyền lực. Việc này sẽ giúp tăng cường niềm tin của các doanh nghiệp vào hệ thống pháp lý và các cơ quan hành chính nhà nước, tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng và ổn định.

*Thường xuyên duy trì đối thoại, trao đổi, diễn đàn giữa Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân:* Đề khu vực kinh tế tư nhân phát triển ổn định và bền vững, một cơ chế đối thoại minh bạch và hiệu quả giữa Nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân là điều

cần thiết. Một trong những thách thức lớn nhất của doanh nghiệp tư nhân hiện nay là thiếu sự tiếp cận và đối thoại trực tiếp với cơ quan chức năng, từ đó dẫn đến những chính sách không phù hợp hoặc chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Do đó, cần xây dựng và duy trì các diễn đàn đối thoại giữa Nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các cơ chế này có thể được tổ chức định kỳ hoặc khi có những vấn đề pháp lý, chính sách cần giải quyết. Trong các cuộc đối thoại này, doanh nghiệp cần có cơ hội trực tiếp trao đổi với các cơ quan chức năng về các vướng mắc trong quá trình hoạt động, từ thủ tục hành chính, thuế, đến các quy định về bảo vệ sở hữu trí tuệ.

Đồng thời, Nhà nước cũng cần lắng nghe và tiếp thu các ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp để điều chỉnh các chính sách phát triển kinh tế sao cho phù hợp hơn với thực tế. Điều này không chỉ giúp

cải thiện môi trường kinh doanh mà còn giúp các doanh nghiệp tư nhân có thể đối phó kịp thời với những thay đổi trong chính sách và luật pháp.

### **5. Kết luận**

Nghị quyết số 68-NQ/TW đã thể hiện sự thay đổi quan trọng trong tư duy phát triển kinh tế tư nhân, đồng thời tạo cơ sở để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn mới. Thực tiễn cho thấy pháp luật về kinh tế tư nhân ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế như thủ tục hành chính phức tạp, chi phí tuân thủ cao, khó khăn trong tiếp cận nguồn lực và sự chồng chéo giữa các quy định pháp luật.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng minh bạch, ổn định và phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế số; đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân phát triển bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Báo Điện tử Chính phủ. (2024). Luật Dữ liệu: Phục vụ chuyển đổi số, Chính phủ điện tử, kinh tế số, xã hội số. <https://baochinhphu.vn/luat-du-lieu-phuc-vu-chuyen-doi-so-chinh-phu-dien-tu-kinh-te-so-xa-hoi-so-1022410141821291.htm>

Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân ngày 04 tháng 5 năm 2025.

Nhóm phóng viên kinh tế. (2026). Vai trò, vị thế mới của kinh tế tư nhân. Báo Nhân dân. <https://nhandan.vn/vai-tro-vi-the-moi-cua-kinh-te-tu-nhan-post866548.html>

Nhóm phóng viên kinh tế. (2025). Tháo bung “rào cản” để phát triển kinh tế tư nhân. Báo nhân dân. <https://nhandan.vn/thao-bung-rao-can-de-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-post877913.html>

P.V. (2025). Triển khai thực hiện Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân với tinh thần “6 rõ”. Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh. [https://congan.com.vn/tin-chinh/trien-khai-thuc-hien-nghi-quyet-68-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-voi-tinh-than-6-ro\\_178142.html](https://congan.com.vn/tin-chinh/trien-khai-thuc-hien-nghi-quyet-68-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-voi-tinh-than-6-ro_178142.html)

Thu, S. (2025). Triển khai Nghị quyết 68-NQ/TW: Tập trung thực hiện, lan toả những chính sách doanh nghiệp được hưởng lợi. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/trien-khai-nghi-quyet-68-nq-tw-tap-trung-thuc-hien-lan-toa-nhung-chinh-sach-doanh-nghiep-duoc-huong-loi-102250926113952533.htm>

Trần, M. H. (2025). Phát triển kinh tế tư nhân và vai trò của pháp luật trong thể chế Việt Nam. <https://nhandan.vn/special/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-va-vai-tro-cua-phap-luat/>

Trần, N. (2025). Khởi thông điểm nghẽn, lan toả tinh thần khởi nghiệp từ Nghị quyết số 68-NQ/TW. Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính. <https://mof.gov.vn/tin-tuc-tai-chinh/tin-tuc-su-kien-8/khoi-thong-diem-nghen-lan-toa-tinh-than-khoi-nghiep-tu-nghi-quyet-so-68-nqtw>

Vũ Hà và Hoàng Dũng. (2025). Đổi mới tư duy, tháo gỡ điểm nghẽn phát triển kinh tế tư nhân. Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. <https://dangcongsan.org.vn/hoidonglyluan/xay-dung-dang/doi-moi-tu-duy-thao-go-diem-nghen-phat-trien-kinh-te-tu-nhan.html>

- TS Nguyễn Sĩ Dũng. (2025). Phát triển kinh tế tư nhân - chìa khóa để tăng trưởng 2 con số. Báo Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-chia-khoa-de-tang-truong-2-con-so-10225030813511082.htm>
- Minh Ngọc. (2025). Bài 1: Phát triển kinh tế tư nhân: Phải rút ngắn khoảng cách về tư duy, niềm tin, tốc độ. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-phai-rut-ngan-khoang-cach-ve-tu-duy-niem-tin-toc-do102250315233047101.htm>
- Thái Hoàng. (2026). Kinh tế tư nhân chờ cú hích từ vốn. Thời báo Ngân hàng. <https://thoibaonganhang.vn/kinh-te-tu-nhan-cho-cu-hich-tu-von-183391.html>
- Phạm Đức. (2026). Thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển. Báo Sơn La. <https://baosonla.vn/kinh-te/thuc-day-kinh-te-tu-nhan-phat-trien-lzrMpexDg.html>
- Hồng Ngọc, Xuân Tuấn và Quang Phú. (2025). Còn nhiều rào cản trong phát triển kinh tế tư nhân. Báo và phát thanh, truyền hình Thanh Hóa. <https://truyenhinhthanhhoa.vn/con-nhieu-rao-can-trong-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-180250331174618825.htm>
- PGS, TS Nguyễn Văn Thành và PGS, TS Trần Kim Chung. (2023). Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Tạp chí Cộng sản. [https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/mot-so-van-de-ly-luan-thuc-tien-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam](https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/mot-so-van-de-ly-luan-thuc-tien-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam)
- Diệp Anh. (2025). Tháo gỡ “điểm nghẽn”, đồng hành cùng kinh tế tư nhân phát triển. Báo Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/thao-go-diem-nghen-dong-hanh-cung-kinh-te-tu-nhan-phat-trien-102250323160352101.htm>

**Ngày nhận bài: 15/04/2026**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 05/05/2026**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 25/05/2026**

## ISSUES IN IMPROVING THE LAW ON PRIVATE ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF THE DIGITAL ECONOMY

● **TRAN TRONG DAI**

Faculty of Economic Law, Hanoi Law University

Email: trantrongdai.hlu@gmail.com

### ABSTRACT:

In the context of Vietnam's acceleration of digital transformation, green development, and deep international integration, the private sector is increasingly affirming its role as a key driver of the economy. Resolution No. 68-NQ/TW of the Politburo marks a shift in development thinking by identifying the private sector as one of the most important drivers of the socialist-oriented market economy. This study focuses on analyzing both theoretical and practical issues of the legal framework governing the private sector in Vietnam, while highlighting several limitations such as overlapping regulations, high compliance costs, and difficulties in accessing resources. The study also emphasizes the need for continued legal reforms to create a transparent, equitable, and conducive business environment for sustainable private sector development.

**Keywords:** Resolution 68, private economy, private sector law, economic development.